

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q; nơi ĐKKHTT: Thôn H, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh H Yên; nơi ở hiện nay: Số 7/1259 N, Tổ 7, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Duy H; nơi ĐKKHTT: Số 184 Đ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú trước khi đi thi hành án: Số 58C ngõ 56 P, TDP P 2, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại: Đội 52, K3, Trại giam T, Bộ Công an; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2023, bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành

phố Hải Phòng vào ngày 21/5/2010. Trên thực tế, anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2004 nH đến năm 2010 mới làm thủ tục kết hôn. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Năm 2010, anh H vi phạm pháp luật và đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, Bộ Công an đến nay. Ngay từ khi anh H bị bắt, chị Q đã quyết định chuyển về nhà mẹ đẻ ở số 7/1259 Ngô Gia Tự, Tổ 7, phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng sinh sống và làm ăn. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Q và anh H có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2004 và Trần Duy An, sinh ngày 25/9/2010. Khi ly hôn, chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Duy An đến khi thành niên. Con chung Trần Ngọc A đã thành niên nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Duy H trình bày:

Anh xác nhận điều kiện kết hôn của vợ chồng, quá trình chung sống hạnh phúc kéo dài đến năm 2010, do hành vi vi phạm pháp luật của anh nên vợ chồng đã mỗi người một nơi, chị Q đã chuyển đi nơi khác sinh sống cũng như không còn quan tâm gì đến gia đình bên nội. Sau khi biết việc chị Q nộp đơn ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Do hoàn cảnh, điều kiện đang chấp hành án nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H trình bày nhất trí với chị Q về con chung. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nH đề nghị ủy quyền cho bố đẻ của anh là ông Trần Văn Hữu nuôi dưỡng con chung Trần Duy An cho đến khi anh H chấp hành án xong và trở về.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Do vi phạm pháp luật nên anh H phải chấp hành án từ năm 2010 đến nay, suốt thời gian này anh chị không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Như

vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trần Duy H.

Về con chung: Chị Q và anh H có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2004 và Trần Duy An, sinh ngày 25/9/2010. Xét nguyện vọng của con chung Trần Duy Amuốn ở cùng ông bà nội; tuy nhiên, anh H đang chấp hành án, bố đẻ anh H không nhận ủy quyền của anh H trong việc nhận văn bản của Tòa cũng như không nhận thực hiện việc giám hộ cháu Trần Duy Anên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Q về con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Trần Duy H đang chấp hành án tại Đội 52, K3, Trại giam T, Bộ Công an; trước khi đi chấp hành án, anh H cư trú tại quận Hải An, thành phố Hải Phòng và có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng là nơi giải quyết. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Năm 2010, do anh H vi phạm pháp luật bị bắt giam nên chị Q đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay anh chị sống mỗi người một nơi,

không ai còn quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị Q đề nghị ly hôn anh H đồng ý và anh chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An giải quyết cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận định, chị Q và anh H không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống, vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Q, giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh Trần Duy H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H có 02 con chung là Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2004 và Trần Duy An, sinh ngày 25/9/2010. Ly hôn, do anh H đang chấp hành án nên chị Q có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Trần Duy An, sinh ngày 25/9/2010. Con chung Trần Ngọc A đã thành niên nên anh H và chị Q đề không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của cháu An và điều kiện nuôi con của anh H và chị Q: Anh H không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con do đang trong thời gian chấp hành án, anh có nguyện vọng ủy quyền cho bố đẻ anh là ông Trần Văn H giám hộ cho cháu An. Tuy nhiên trường hợp của cháu An còn cha mẹ, tuy anh H không có điều kiện chăm sóc nh mẹ cháu là chị Q vẫn có điều kiện chăm sóc, giáo dục con nên cháu An không thuộc trường hợp người được giám hộ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Dân sự; chị Q hiện là lao động tự do có thu nhập, chị Q có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, yêu cầu của chị Q về con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp điều kiện thực tế của anh chị. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Trần Duy H.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Duy An, sinh ngày 25/9/2010 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Trần Ngọc A, sinh ngày 10/10/2004 hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nH được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004879 ngày 11/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Trần Duy H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng